TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2019/QĐST-KDTM	*Thuỷ Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST- KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức P; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3.1197.18 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại C; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm văn L sinh năm 1972 và chị Trần Thị L sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị L: Anh Phạm Văn L sinh năm 1972 địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2018); Anh L có mặt, chị L vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn L sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn L: Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2018). Bà C có mặt; ông L vắng mặt.

- Bà Trần Thị C sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Chị Phạm Thị P (tức T) sinh năm 1982; địa chỉ: Số 542, tổ B, phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của chị Phạm Thị P: Bà Trần Thị C sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị P (tức T) (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2018); bà C có mặt, chị P vắng mặt.

- Anh Phạm Văn X sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Văn X: Anh Phạm Văn L sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn X (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2018); Anh L có mặt, anh X vắng mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số dư nợ: Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại C số tiền tính đến hết ngày 20 tháng 5 năm 2019 là 2.003.278.153 đồng (trong đó nợ gốc là 743.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.458.359 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.200.219.794 đồng).

Về phương án trả nợ:

Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019, hàng tháng anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại C số tiền tối thiểu là 7.000.000 đồng và được trừ vào nợ gốc;

Đến ngày 30 tháng 11 năm 2019, anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn còn lại cho Ngân hàng thương mại C theo Hợp đồng tín dụng số 823/HĐTD1-VIB32/10 ngày 08/9/2010 và Hợp đồng tín dụng số 093/HĐTD1-VIB32/12 ngày 14/3/2012 ký giữa Ngân hàng thương mại C với anh Phạm Văn L và bà Trần Thị L.

Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L vẫn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 21/5/2019 cho đến khi anh L, chị L trả hết toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại C .

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Nếu anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L vi phạm bất kì một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ đã nêu trên thì Ngân hàng thương mại C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 01, tại thôn B, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BH 688562, do Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 20/10/2011 cấp cho ông Phạm Văn L và vợ là Trần Thị L.

Đối với phần tài sản anh L, chị L tự ý xây dựng thêm và lấn chiếm sang đất của anh Phạm Văn X nếu trong trường hợp phải phát mại tài sản để thu hồi khoản nợ thì anh L, chị L phải có trách nhiệm tự tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn chiếm sang đất của anh Phạm Văn X.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 461, tờ bản đồ số 01, tại thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 445823, do Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 11/8/2009 cho ông Phạm Văn L và vợ là Nguyễn Thị C.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 681B, tờ bản đồ số 01, tại thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 928376, do Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 11/02/2010 cho ông Phạm Văn Q và vợ là Trần Thị C.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ để trả nợ, thì anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại C cho đến khi trả hết nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại C.

2.3 Về án phí: Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị L nhận nộp cả 36.032.780 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại C số tiền tạm ứng án phí 33.000.000 đồng theo Biên lai số 0009250 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- TAND thành phố
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên

Khúc Trọng Quang